

Bản án số: 20/2017/HSST
Ngày 13/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T Đ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Trung Phước**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phan Văn Sân**; Bà **Nguyễn Thị Thủy**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Khắc Huân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T Đ tham gia phiên tòa:

Ông: **Nguyễn Hùng Khánh** - Kiểm sát viên

Ngày 13/7/2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T Đ, tỉnh Lai Châu, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, thụ lý số 19/2017/TLST-HS ngày 23/6/2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/HSST-QĐ ngày 30/6/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **GIÀNG A T**, sinh năm: 1968; Tại: T Đ - Lai Châu;

Nơi đăng ký HKTT: Bản L T T C, xã T L, huyện T Đ, tỉnh Lai Châu; Chỗ ở trước khi bị bắt: Bản P N X C, xã T L, huyện T Đ, tỉnh Lai Châu.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Trình độ học vấn: 9/12; Tôn giáo: Không; Tiền án, Tiền sự: Không; Con ông Giàng Seo L, sinh năm 1933 (Đã chết) và bà Hàng Thị M, sinh năm 1935 (Đã chết); Gia đình bị cáo có 09 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ ba; Bị cáo có vợ là Thào Thị C, sinh năm 1972 và 04 con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2008.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ và tạm giam từ ngày 01/3/2017 tại Nhà tạm giữ - Công an huyện T Đ, tỉnh Lai Châu cho đến nay (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Nguyễn Công H** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu (Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Thào Thị C**, sinh năm 1972

Trú tại: Bản P N S C, xã T L, huyện T Đ, tỉnh Lai Châu (có mặt).

Người phiên dịch cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh **Giàng A M**, sinh năm 1995.

Trú tại: Bản P N S C, xã T L, huyện T Đ, tỉnh Lai Châu (có mặt).

Những người làm chứng:

1. **Bùi Văn C**, sinh năm 1986.

Trú tại: Đội 4, xã H T, huyện T Đ, tỉnh Lai Châu

2. **Giàng A G**, sinh năm 1946.

Trú tại: Bản P N L C, xã T L, huyện T Đ, tỉnh Lai Châu

3. **Giàng A S**, sinh năm 1966.

Trú tại: Bản P N L C, xã T L, huyện T Đ, tỉnh Lai Châu

(Cả ba người làm chứng đều vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trưa ngày 21/02/2017 trong khi đi xát thóc tại bản S L T, xã S T, thành phố L C. Giàng A T đã làm quen và mua được của một người đàn ông dân tộc Dao, khoảng 30 tuổi (*Thào không biết tên, địa chỉ*) 01 gói Heroine được gói bằng nilon màu xanh với giá 200.000 đồng để sử dụng và bán lẻ kiếm lời. Đến tối cùng ngày 21/02/2017 T đang ở nhà thì có Bùi Văn C, sinh năm 1986, trú tại Đội 4, xã HT, huyện T Đ đến hỏi mua và T đã đồng ý lấy gói Heroine mua được trước đó cầu ra bán cho C một ít với giá 100.000 đồng.

Trưa ngày 24/02/2017 T ở tại nhà mình thì Bùi Văn C tiếp tục đến hỏi mua và T đồng ý lấy gói Heroine mua từ ngày 21/02/2017 ra dùng tay cầu một ít bán C với giá 100.000 đồng. Số Heroine còn lại T đã lấy ra sử dụng hết (bằng hình thức hít). Sau hai lần mua được Heroine của T, C đều cầm Heroine đi về và sử dụng hết bằng hình thức chích.

Khoảng 19 giờ 27/02/2017 Giàng A T điều khiển xe mô tô của gia đình mang BKS 25F2- 7552 đi từ nhà sang xã S S H, huyện P T. Trên đường đi đến cách trung tâm xã S S H khoảng 4 km, Thào gặp D (người mới quen vào ngày 26/02/2017 khi T đi sửa chữa xe máy tại bản Đ P, xã T S, huyện T Đ. Qua trao đổi, D đã đồng ý bán cho T 1.500.000 đồng được 01 gói Heroine được gói ngoài bằng mảnh nilon màu xanh (Trong số 1.500.00 đồng mua Heroine của D có 200.000 tiền bán Heroine cho Ch). Mua được Heroin, T cất vào túi áo đang mặc rồi điều khiển xe quay về nhà. Đến nhà, T lấy gói Heroine ra cầu một ít để sử dụng cho bản thân, số còn lại T gói lại như cũ. Một lúc sau có Bùi Văn C vào hỏi mua và T đã đồng ý lấy gói Heroine vừa mua được đem ra cầu một ít bán cho C với giá 100.000 đồng. Mua được Heroine C đi về còn T lấy số Heroine còn lại gói lại và cất giấu dưới chiếu đầu giường ngủ vợ chồng T. Số tiền 100.000 đồng thu được từ việc bán Heroine T sau đó đã đem đi mua đồ dùng tiêu sài cá nhân hết.

Đến khoảng 17 giờ ngày 28/02/2017 trong lúc ở nhà một mình, T lấy gói Heroine mua được vào tối ngày 27/02/2017 ra dùng dao chia nhỏ thành 21 gói (14 gói màu xanh; 7 gói màu hồng) và dùng nilon gói lại, bật lửa đốt dính 20 gói (13 gói màu xanh; 7 gói màu hồng) mục đích để bán kiếm lời, 01 gói được gói bằng nilon xanh T không đốt dính mục đích để bán và sử dụng. Khoảng 8 giờ sáng ngày 01/3/2017, T đem 21 gói Heroine đã chia, lấy 17 gói (12 gói màu xanh, 5 gói màu hồng) cất vào túi vải đựng tiền màu đen (11 gói phía ngăn trong, 06 gói để phía ngăn ngoài) của vợ là Thào Thị C, 04 gói còn lại T để trong quyển vở học sinh để trên đầu giường ngủ của vợ chồng T. Đến khoảng 10 giờ ngày 01/3/2017 trong lúc T ở nhà thì Bùi Văn C tiếp tục vào hỏi mua và T đã đồng ý đi vào trong buồng ngủ lấy 01 gói Heroine không đốt dính, để trong quyển vở học sinh đem ra dùng móng tay cầu một ít tương đương 100.000 đồng bán cho C (T đồng ý cho C nợ tiền). C nhận Heroine dùng từ tiền mệnh giá 1.000 đồng gói lại và đi xuống bếp nhà T tự ý sử dụng.

Sau khi đã bán Heroine cho C xong, Giàng A T đang đứng ở giữa nhà thì có Giàng A G, sinh năm 1946, trú tại bản P N L C, xã T L, huyện T Đ vào hỏi mua Heroine. T đồng ý cầm 200.000 đồng. G đưa đi vào trong buồng cất vào túi vải đựng

tiền của Thảo Thị C (vợ của T) để trên đầu giường ngủ, sau đó lấy 02 gói Heroine (01 gói được gói bằng mảnh nilon màu hồng, 01 gói được gói bằng mảnh nilon màu xanh) để trong quần vớ học sinh phía trên đầu giường ngủ, cất vào túi quần bên phải đang mặc đi ra ngoài để bán cho Gia 01 gói, gói còn lại để ai hỏi mua thì bán, không thì để sử dụng. Khi ra phía ngoài nhà thấy đội CSĐTTP về hình sự - kinh tế - ma túy và môi trường Công an huyện TT Đ phát hiện C đang sử dụng Heroine tại bếp nhà T, thu giữ của C 01 gói Heroine được gói bằng tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng, có trọng lượng 0,03 gam (*Không thấy không ba gam*), 01 xi lanh đã qua sử dụng. Qua kiểm tra thu giữ trong túi quần bên phải T đang mặc 02 gói Heroine có trọng lượng 0,12 gam (*Không thấy mười hai gam*). Cùng ngày 01/3/2017, Cơ quan CSĐT- Công an huyện T Đ đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật Giàng A T, kết quả khám xét phát hiện và thu giữ 01 gói chất bột khô vón cục màu trắng, được gói ngoài bằng mảnh nilon màu xanh trong quần vớ học sinh để trên đầu giường trong buồng ngủ, 01 gói chất bột khô vón cục màu trắng được gói ngoài bằng mảnh nilon màu hồng dưới gầm giường ngủ của vợ chồng T có tổng trọng lượng 0,23 gam (*Không thấy hai mươi ba gam*); thu giữ trong túi vải đựng tiền màu đen của Thảo Thị C (vợ của T) 17 gói chất bột khô vón cục màu trắng, (12 gói được gói bằng mảnh nilon màu xanh, 5 gói được gói bằng mảnh nilon màu hồng) có tổng trọng lượng 1,33 gam (*Một thấy ba mươi ba gam*) cùng toàn bộ vật chứng.

Ngày 01/3/2017 Công an huyện T Đ đã quyết định lấy toàn bộ 0,03 gam Heroine thu giữ của Bùi Văn C (Lấy ký hiệu M1); 0,12 gam Heroine của Giàng A T (Lấy ký hiệu M2); 0,23 gam Heroine của Giàng A T (Lấy ký hiệu M3) và 1,33 gam Heroine thu giữ của Giàng A T (Lấy ký hiệu M4) làm mẫu vật gửi đi giám định.

Tại bản Kết luận giám định số: 115/GĐ- KTHS ngày 05/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: ***Các mẫu gửi giám định M1, M2, M3, M4 đều là Heroine (Không hoàn lại mẫu vật giám định).***

Cáo trạng số 14/KSĐT-MT ngày 23/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T Đ, truy tố bị cáo Giàng A T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Giàng A T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng về thời gian, địa điểm các lần bị cáo bán Heroine. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T Đ, trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Giàng A T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Về hình phạt, đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, của Bộ luật hình sự, đề nghị tuyên phạt bị cáo mức án từ 08 đến 09 năm tù. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ bào chữa: Bị cáo Giàng A T là người dân tộc thiểu số, sinh sống trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, vì vậy đề nghị HĐXX xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46/Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên đề nghị

HĐXX xem xét miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo. Chiếc xe mô tô BKS 25 F2- 7552 cùng đăng ký xe tuy mang tên bị cáo nhưng là tài sản chung của gia đình, vợ con bị cáo không biết bị cáo dùng chiếc xe nói trên vào việc phạm tội nên đề nghị HĐXX trả chiếc xe cùng giấy đăng ký xe cho vợ bị cáo. Số tiền 1.900.000 đồng là tiền của con trai bị cáo gửi vợ bị cáo là bà Thảo Thị C cầm hộ không liên quan đến hành vi phạm tội đề nghị trả lại cho bà C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thảo Thị C trình bày: Bà và bị cáo Giàng A T là vợ chồng, tuy nhiên bà không biết việc bị cáo T tàng trữ trái phép chất ma túy trong nhà bà, cũng như không biết T dùng túi vải đựng tiền của gia đình để cất giấu ma túy. Số tiền 1.900.000 đồng cất giấu trong túi vải đựng tiền là tiền của con trai bà là anh Giàng A B nhờ bà cất giữ hộ. Chiếc xe moto biển kiểm soát 25 F2- 7552 cùng đăng ký xe là tài sản chung của gia đình, bà không biết bị cáo T sử dụng chiếc xe nói trên vào việc phạm tội nay đề nghị HĐXX trả lại số tiền và chiếc xe moto cùng đăng ký xe nói trên cho bà.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo, người bào chữa và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định trong các ngày 21/02/2017 và ngày 27/02/2017, Giàng A T đã 02 lần mua Heroine trái phép với tổng số tiền là 1.700.000 đồng về chia lẻ và tại nơi ở của mình thuộc bản P N X C, xã T L, huyện T Đ. Giàng A T đã 04 lần bán trái phép Heroine cho Bùi Văn C, sinh năm 1986, trú tại Đội 4, xã H T, huyện T Đ, tỉnh Lai Châu, với tổng số tiền 400.000 đồng và 01 lần bán trái phép Heroine cho Giàng A G, sinh năm 1946, trú tại bản P N L C, xã T L, huyện T Đ với số tiền 200.000 đồng. Tổng số tiền mà Giàng A T bán trái phép Heroine cho Bùi Văn Ch và Giàng A G là 600.000 đồng cụ thể:

Lần 1: Vào tối ngày 21/02/2017 Giàng A T đã bán cho Bùi Văn C một ít Heroine với giá 100.000 đồng; Lần 2: Vào trưa ngày 24/02/2017 T tiếp tục bán cho Bùi Văn C một ít Heroine với giá 100.000 đồng; Lần 3: Tối ngày 27/02/2017 T bán cho Bùi Văn C một ít Heroine với giá 100.000 đồng; Lần 4: Khoảng 10 giờ ngày 01/3/2017 T đã bán cho Bùi Văn C một ít Heroine với giá 100.000 đồng; Lần 5: Cũng khoảng 10 giờ ngày 01/3/2017 T đã bán cho Giàng A G một gói Heroine được gói ngoài bằng mảnh nilon màu hồng lấy 200.000 đồng.

Số Heroine còn lại có tổng trọng lượng 1,78 gam (Một phẩy bảy mươi tám) T chưa kịp bán thì bị Cơ quan CSĐT- Công an huyện T Đ khám xét thu giữ cùng vật chứng.

Hành vi bị cáo Giàng A T thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Tội phạm được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

[2]. Về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào chính sách độc quyền quản lý

của Nhà nước đối với các chất ma túy, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Ma túy đang là nỗi nhức nhối trong đời sống xã hội, và là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Do đó mọi hành vi phạm tội liên quan tới ma túy cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật, nhằm góp phần giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn.

[3]. Về mục đích phạm tội của bị cáo: Bị cáo Giàng A T là đối tượng nghiện chất ma túy, ngoài việc mua trái phép chất ma túy về sử dụng cho bản thân, bị cáo còn bán lại cho các đối tượng nghiện ma túy khác nhằm thu lời bất chính.

[4]. Về nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Giàng A T được sinh ra trong gia đình lao động, bị cáo có thời gian làm Chủ tịch UBND xã T L, là cán bộ xã song đã không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, làm gương cho bà con nhân dân trong xã mà lại ăn chơi đua đòi dẫn đến bị nghiện chất ma túy. Không những vậy vì tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu sài mà không phải lao động bị cáo đã bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật và sự lên án của xã hội để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Vì vậy cần có một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Tuy nhiên quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa.

Bị cáo Giàng A T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về vật chứng: Toàn bộ số Heroine thu giữ của Bùi Văn C và Giàng A T đã được gửi làm mẫu vật giám định không hoàn lại mẫu vật nên HĐXX không xem xét; 01 bơm kim tiêm đã qua sử dụng thu giữ của Bùi Văn C; 01 vở học sinh bìa màu vàng bị cáo T sử dụng cất dấu Heroine, 01 mảnh nilon màu hồng, 01 con dao nhọn cán gỗ, 01 bật lửa ga của bị cáo T, 01 túi vải màu đen hình chữ nhật bị cáo T dùng cất dấu Heroine thu giữ của bà Thào Thị C (vợ bị cáo) là những tài sản trên là công cụ, phương tiện được sử dụng vào việc phạm tội xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy. 01 xe moto biển kiểm soát 25 F2- 7552 cùng đăng ký xe mang tên Giàng A T, tại phiên tòa vợ bị cáo là T là bà Thào Thị C khai nhận đây là tài sản chung của gia đình, bà không biết bị cáo T sử dụng chiếc xe nói trên vào việc phạm tội và có nguyện vọng được trả lại, xét thấy đây là tài sản chung hợp pháp của gia đình T nên cần được trả lại cho bà Thào Thị C; Số tiền 2.100.000 đồng thu giữ khi bắt Giàng A T trong đó có 200.000 đồng T bán Heroine cho Giàng A G, đây là tài sản do phạm tội mà có cần tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền 1.900.000 đồng còn lại là tiền của anh Giàng A B con trai bị cáo T gửi mẹ đẻ là bà Thào Thị C cầm giữ hộ, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T nên cần trả lại cho bà Thào Thị C. 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng dùng để gói Heroine thu giữ của Bùi Văn C là

công cụ phương tiện sử dụng vào mục đích bất hợp pháp cần tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước.

[6]. Về trình tự thủ tục tố tụng và hành vi của những người tiến hành tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, từ thời điểm vụ án được khởi tố đến thời điểm vụ án được đưa ra xét xử đã được điều tra, truy tố và xét xử theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 179, Điều 243 của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản hướng dẫn thi hành. Điều tra viên, Kiểm sát viên, Người bào chữa và những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đối với vụ án theo quy định tại các Điều 12, Điều 23, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37 và Điều 56 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7]. Một số vấn đề liên quan trong vụ án:

Đối với 01 lần Bùi Văn C sử dụng Heroine tại nhà T ngày 01/3/2017 khi sử dụng C tự ý không xin, hỏi ý kiến T. T xuống thì thấy C đã đang sử dụng vì vậy T không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điều 198/BLHS;

Nguồn gốc số Heroine T bị thu giữ, T khai nhận mua ngày 27/02/2017 của một người đàn ông tên D, dân tộc Dao, khoảng 45 tuổi (*không rõ lai lịch và địa chỉ cụ thể*); Người đàn ông dân tộc Dao khoảng 30 tuổi đã bán Heroine cho T ở bản S L T, xã S T, thành phố L C vào ngày 21/02/2017 (*không rõ lai lịch và địa chỉ cụ thể*) nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện T Đ không có căn cứ để điều tra làm rõ;

Đối với Bùi Văn C là người đã mua Heroine của T để sử dụng và đã sử dụng hết. Do hành vi của C không cấu thành tội phạm, Công an huyện T Đ đã ra Quyết định xử phạt hành chính là phù hợp;

Đối với Thào Thị C là vợ của Giàng A T, do không biết việc T mua, bán Heroine cũng như cất giấu 17 gói Heroine vào trong túi vải đựng tiền màu đen để trên đầu giường trong buồng ngủ vợ chồng nên Cơ quan CSĐT không có căn cứ xử lý.

Đối với Giàng A G là đối tượng đến nhà T mua Heroine về sử dụng, vì T chưa giao gói Heroine cho Gia nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý.

Giàng A S là người vào nhà T mục đích để xin hút thuốc lào, do không biết việc T bán Heroine cho C và G. Nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý là có căn cứ.

Xét điều kiện của bị cáo, hoàn cảnh khó khăn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại địa phương có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có giấy xác nhận hộ nghèo của UBND xã T L, huyện T Đ, tỉnh Lai Châu, vì vậy sẽ được miễn toàn bộ án phí HSST theo quy định tại Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76, Điều 99, Điều 234 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Giàng A T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Giàng A T 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/3/2017. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

3. Về vật chứng: Tịch thu 01 bơm kim tiêm đã qua sử dụng, 01 vỏ học sinh bìa màu vàng, 01 mảnh nilon màu hồng, 01 con dao nhọn cán gỗ, 01 bật lửa ga của bị cáo T, 01 túi vải màu đen hình chữ nhật thu giữ của bà Thào Thị C để tiêu hủy. Tịch thu số tiền 200.000 đồng của Giàng A T, 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng thu giữ của Bùi Văn C để sung vào công quỹ Nhà nước. Trả lại cho bà Thào Thị C 01 xe moto biển kiểm soát 25 F2 - 7552 cùng đăng ký xe mang tên Giàng A T và số tiền 1.900.000 đồng.

Số vật chứng nêu trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T Đ, tình trạng, đặc điểm của các vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng tài sản giữa Công an huyện T Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện T Đ ngày 23/6/2017.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn mười lăm ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Toà án Tỉnh.
- VKS T Đ
- Thi hành án DS.
- Nhà TG.
- Người TGTT.
- Bị cáo.
- Sở tư pháp LC
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Trung Phước